

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 38/2024/HS-ST.
Ngày: 30/8/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Xuân Ngọc.

Ông Lý Viết Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ ĐỨC P.** Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/8/1995; Nơi sinh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn P2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Lê Đức T, sinh năm 1968 (đã chết) và con bà Huỳnh Thị Như H, sinh năm 1970.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (Có mặt).

Người bị hại:

-Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn P1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

-Bà Đào Thị H, sinh năm 1972.

Trú tại: T9, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn P1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

-Bà Huỳnh Thị Như N, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn T3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12/4/2024, sau khi uống rượu Lê Đức P đi ra trước nhà để chờ bạn đến chờ đi uống rượu tiếp. Trong lúc chờ đợi, P đi bộ khoảng 500m thì thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 47M1-555.xx của bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1978, cư trú tại thôn Thôn P 1, xã E, huyện K) dựng bên hàng rào có sẵn chìa khoá trên xe và không ai trông coi, nên P nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe này để làm P tiện đi lại. P mở chìa khoá xe rồi nổ máy điều khiển xe đến ngã ba km 47, quốc lộ 26 thì điều khiển xe quay về. Khoảng 19 giờ cùng ngày khi đến T7, xã K, huyện K, P thấy bà Đào Thị H (sinh năm 1972 cư trú tại T9, xã K, huyện K) đang điều khiển xe mô tô đi phía trước cùng chiều và túi quần bên trái có 01 điện thoại di động để lộ ra ngoài nên điều khiển xe tăng tốc áp sát dùng tay phải giật điện thoại trong túi quần của bà H rồi nhanh chóng tẩu thoát. P điều khiển xe chạy đến nơi đã lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 47M1-555.xx trước đó để xe lại vị trí cũ rồi chạy bộ về nhà cất giấu điện thoại ở trên kệ trong nhà bếp. Sau tiếp nhận tố giác tội phạm của bà Nguyễn Thị T về việc bị mất trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47M1-555.xx và của bà Đào Thị H về việc bị cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành xác minh, rà soát đối tượng nghi vấn trên địa bàn, xác định Lê Đức P có giấu hiệu nghi vấn nên đã tiến hành làm việc với P. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K P đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 47M1-555.xx của bà Nguyễn Thị T và hành vi cướp giật điện thoại của bà Đào Thị H. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Đức P đã thu giữ được 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Bản Kết luận số 20 ngày 17/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 47M1-555.xx tại thời điểm bị xâm hại ngày 12/4/2024 là 15.000.000 đồng.

Giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A 98, màu xanh tại thời điểm bị xâm hại ngày 12/4/2024 là 3.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, truy tố bị cáo Lê Đức P về tội: “Cướp giật tài sản”, theo quy

định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đức P mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đức P mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn thi hành án tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/4/2024.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 47M1-555.xx và trả lại cho bà Đào Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A 98, màu xanh là các chủ sở hữu hợp pháp

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Lê Đức P và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị T và bà Đào Thị H tổng số tiền là 1.000.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận gì, giữ nguyên ý kiến bãi nại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức P không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, không những chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa P, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô, bị cáo dùng xe mô tô vừa trộm cắp được tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người đang lưu thông trên phương tiện giao thông đường bộ, bị cáo nhận thức được rằng, hành vi của bị cáo có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại, quyền sở hữu tài sản được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị. Song, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân nên khoảng 17 giờ 50 ngày 12/4/2024, tại thôn P2, xã E, huyện K, bị cáo Lê Đức P trộm cắp xe mô tô biển số 47M1-555.xx, trị giá 15.000.000 đồng, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo đã điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi đến thôn 7, xã Krông Buk cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A 98 trị giá 3.500.000 đồng, sau đó bị phát hiện xử lý. Xác định trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là: 18.500.000 đồng.

Bị cáo đã thực hiện 02 hành vi phạm tội liên tục và phạm tội theo tình tiết định khung hình phạt là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự, vì vậy cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, như vậy có đủ căn cứ để kết luận, quyết định truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Đức P phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 171 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

a)...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải, bị cáo là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường người bị hại và được các bị hại đã làm đơn bãi nại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo trong khi lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng: Xét thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 47M1-555.xx là sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T; Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A 98, màu xanh là tài sản hợp pháp của bà Đào Thị H, vì vậy việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T và Đào Thị H là đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo Lê Đức P và gia đình đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị T và Đào Thị H tổng số tiền là 1.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức P phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

2. Về căn cứ áp dụng pháp luật và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **LÊ ĐỨC P 04** (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **LÊ ĐỨC P 06** (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là **04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 13/4/2024.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 47M1-555.xx và trả lại cho bà Đào Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A 98, màu xanh là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Lê Đức P và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị T và Đào Thị H tổng số tiền là 1.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đức P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- Nhà TG Công an huyện K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H'Năm Bkrông

